TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Trần Thế T, sinh năm 1985.**

Địa chỉ: Thôn Ng, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: **Chị Phan Thị H, sinh năm 1987.**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ng, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Bưu điện xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người làm chứng: **Bà Trần Thị Th, sinh năm 1965**.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thế T trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/11/2008. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2013, anh chị về sinh sống tại xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, chị H muốn vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn nhưng anh không đồng ý vì còn phải ở quê chăm sóc mẹ. Năm 2017, anh đồng ý để chị H vào làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau một thời gian anh gọi chị H về quê sinh sống nhưng chị H không về. Anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Phan Thị H có 01 con chung là Trần Thế A, sinh ngày 27/4/2006, hiện đang sống với anh. Ly hôn anh xin nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm lái xe, thu nhập ổn định, anh đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Bị đơn chị Phan Thị H trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị thống nhất như trình bày của anh T. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh T xin ly hôn chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Thế T có 01 con chung là Trần Thế A, sinh ngày 27/4/2006, hiện đang sống với anh T. Ly hôn anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bà Trần Thị Th - mẹ đẻ của anh T trình bày***: Về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung giữa anh T và chị H như lời trình bày của anh T là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị do chị H là người miền Nam sống không phù hợp với miền Bắc nên chị đã vào miền Nam làm ăn không về gia đình bà nữa. Nay anh T xin ly hôn chị H quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H. Đề nghị Tòa án giao cháu Thế A cho anh T nuôi dưỡng.

**** Cháu Trần Thế A trình bày***: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố là Trần Thế T.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T được ly hôn chị H; Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Trần Thế A, sinh ngày 27/4/2006. Giao cháu Thế A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Anh T và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Thế T khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Phan Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh T và chị H đã có đơn đề nghị thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình là cư trú của anh T để giải quyết vụ án giữa anh chị nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thế T và chị Phan Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận một vài năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nơi sinh sống và làm việc của vợ chồng. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Anh Trần Thế T và chị Phan Thị H có 01 con chung là Trần Thế A, sinh ngày 27/4/2006. Xét thấy cháu Thế A hiện đang sống với anh T ổn định, anh T, chị H thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Thế A có nguyện vọng ở với anh T, dó đó cần giao con chung Trần Thế A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Đều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H đến khi anh Tài có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản: Anh Trần Thế T và chị Phan Thị H thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Thế T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Thế T được ly hôn chị Phan Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Anh Trần Thế T và chị Phan Thị H có 01 con chung là Trần Thế A, sinh ngày 27/4/2006.

Ly hôn giao con chung Trần Thế A cho anh Trần Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003006 ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;*
- *Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiệp